

**BIỂU SỐ 01 - PHÂN BỐ KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG VỐN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG 5 NĂM 2021-2025**

(Kèm theo Quyết định số 495/QĐ-UBND ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hải Dương)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư			Kế hoạch vốn NSDP 5 năm 2021-2025		
		Số quyết định; ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư		Kế hoạch vốn đã giao, dự kiến giao	Phân bổ kế hoạch vốn	Kế hoạch vốn sau phân bổ (nguồn thu sử dụng đất)
			Tổng số	Trong đó, vốn NSDP cấp tỉnh			
A	B	1	2	3	4	5	6=4+5
	<b>TỔNG SỐ</b>		<b>970.835,061</b>	<b>584.867,500</b>	<b>606.993,213</b>		<b>606.993,213</b>
<b>I</b>	<b>Đầu tư xây dựng phòng học thiếu tại các cơ sở giáo dục Mầm non, Tiểu học, Trung học cơ sở công lập</b>		<b>84.384,917</b>	<b>18.067,500</b>	<b>25.547,500</b>		<b>25.547,500</b>
<b>I.1</b>	<b>Phân bổ chi tiết</b>		<b>84.384,917</b>	<b>18.067,500</b>		<b>18.067,500</b>	<b>18.067,500</b>
<b>(1)</b>	<b>Huyện Thanh Hà</b>		<b>29.943,917</b>	<b>8.662,500</b>		<b>8.662,500</b>	<b>8.662,500</b>
1	Nhà lớp học 2 tầng 4 phòng Trường Mầm non Thanh Hồng và Nhà lớp học 2 tầng 4 phòng Trường Mầm non Việt Hồng, huyện Thanh Hà	4291; 27/12/2024	16.804,736	3.795,000		3.795,000	3.795,000
2	Nhà lớp học 2 tầng 4 phòng trường Mầm non xóm 4, xã Thanh Hải, huyện Thanh Hà	3327; 31/10/2024	5.768,743	2.530,000		2.530,000	2.530,000
3	Nhà lớp học 3 tầng 6 phòng trường Trung học Cơ sở An Phượng (Khu A), xã An Phượng, huyện Thanh Hà	3549; 15/11/2024	7.370,438	2.337,500		2.337,500	2.337,500
<b>(2)</b>	<b>Huyện Gia Lộc</b>		<b>54.441,000</b>	<b>9.405,000</b>		<b>9.405,000</b>	<b>9.405,000</b>
1	Xây dựng Nhà lớp học các Trường THCS: Hoàng Diệu, Quang Minh, Thống Nhất	10/NQ-HĐND; 03/4/2024	33.591,000	5.610,000		5.610,000	5.610,000
2	Xây dựng nhà lớp học 2 tầng, 8 phòng, móng 3 tầng trường Mầm non Thị trấn Gia Lộc	09/NQ-HĐND; 03/4/2024	20.850,000	3.795,000		3.795,000	3.795,000
<b>I.2</b>	<b>Phân bổ chi tiết sau</b>				<b>25.547,500</b>	<b>-18.067,500</b>	<b>7.480,000</b>
<b>II</b>	<b>Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới</b>		<b>6.814,815</b>	<b>5.000,000</b>	<b>19.645,713</b>		<b>19.645,713</b>
<b>II.1</b>	<b>Phân bổ chi tiết</b>		<b>6.814,815</b>	<b>5.000,000</b>		<b>5.000,000</b>	<b>5.000,000</b>
<b>(1)</b>	<b>Huyện Gia Lộc</b>		<b>6.814,815</b>	<b>5.000,000</b>		<b>5.000,000</b>	<b>5.000,000</b>
1	Cải tạo, nâng cấp các chợ hạng 3 tại các xã: Đoàn Thượng, Yết Kiêu, Thống Kênh, Lê Lợi, Nhật Tân	35/NQ-HĐND; 10/10/2024	6.814,815	5.000,000		5.000,000	5.000,000
<b>II.2</b>	<b>Phân bổ chi tiết sau</b>				<b>19.645,713</b>	<b>-5.000,000</b>	<b>14.645,713</b>
<b>III</b>	<b>Dự án khác</b>		<b>879.635,329</b>	<b>561.800,000</b>	<b>561.800,000</b>		<b>561.800,000</b>
<b>III.1</b>	<b>Huyện Ninh Giang</b>		<b>175.767,329</b>	<b>81.000,000</b>	<b>81.000,000</b>		<b>81.000,000</b>
1	Cải tạo, nâng cấp tuyến đường giao thông từ khu tượng đài Bác Hồ xã Hiệp Lực qua khu lưu niệm Chủ tịch Hồ Chí Minh xã Hồng Dụ đến đường tỉnh 396	55/NQ-HĐND, 21/12/2022; 141, 24/12/2024	106.706,000	46.500,000	46.500,000		46.500,000

STT	Danh mục dự án	Chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư		Kế hoạch vốn NSĐP 5 năm 2021-2025			
		Số quyết định; ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư		Kế hoạch vốn đã giao, dự kiến giao	Phân bổ kế hoạch vốn	Kế hoạch vốn sau phân bổ (nguồn thu sử dụng đất)
			Tổng số	Trong đó, vốn NSĐP cấp tỉnh			
A	B	1	2	3	4	5	6=4+5
2	Cải tạo, nâng cấp tuyến đường liên xã Hồng Phúc - Tân Phong (cầu Đông - đường tỉnh 396C)	56, 21/12/2022; 142, 24/12/2024	69.061,329	34.500,000	34.500,000		34.500,000
<b>III.2</b>	<b>Thành phố Hải Dương</b>		<b>678.235,000</b>	<b>468.000,000</b>	<b>468.000,000</b>		<b>468.000,000</b>
1	Đầu tư xây dựng mở rộng đường Nguyễn Trãi và GPMB khu đô thị trung tâm thành phố - Khu vực 1 (Diamond Land)	42/NQ-HĐND; 20/12/2024	643.235,000	440.000,000	440.000,000		440.000,000
2	Tu sửa, tôn tạo di tích đền Sượt, phường Thanh Bình, thành phố Hải Dương, hạng mục chính: Tiền tế - Trung từ - Hậu cung - 02 giải vũ, Nghi môn - Bình phong và các hạng mục phụ trợ: Sân Đền, Giếng đá, Nhà Bia, Am hóa sớ, Nhà bao che công trình	40/NQ-HĐND; 20/12/2024	35.000,000	28.000,000	28.000,000		28.000,000
<b>III.3</b>	<b>Huyện Gia Lộc</b>		<b>25.633,000</b>	<b>12.800,000</b>	<b>12.800,000</b>		<b>12.800,000</b>
1	Cải tạo, nâng cấp đường trục chính liên xã Phạm Trán - Đông Quang (đoạn từ đường tỉnh 393 đến đường huyện 20C) huyện Gia Lộc	17/NQ-HĐND; 25/4/2024	25.633,000	12.800,000	12.800,000		12.800,000

**BIỂU SỐ 02 - PHÂN BỐ KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG VỐN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2025**  
(Kèm theo Quyết định số 495/QĐ-UBND ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hải Dương)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Quyết định đầu tư			Kế hoạch vốn NSDP năm 2025				
			Số quyết định; ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư		Kế hoạch vốn đã giao	Phân bổ, bổ sung kế hoạch vốn	Kế hoạch vốn sau phân bổ, bổ sung		
				Tổng số	Trong đó, vốn NSDP cấp tỉnh			Tổng số	<i>Bao gồm</i>	
A	B	C	1	2	3	4	5	6=4+5	7	9=6-7
	<b>TỔNG SỐ</b>			<b>2.293.023,682</b>	<b>2.033.264,100</b>	<b>755.792,902</b>		<b>755.792,902</b>	<b>305.532,500</b>	<b>450.260,402</b>
<b>A</b>	<b>KẾ HOẠCH VỐN NSDP NĂM 2025 CHƯA PHÂN BỐ CHI TIẾT</b>			<b>2.109.199,717</b>	<b>1.975.331,190</b>	<b>652.025,902</b>		<b>652.025,902</b>	<b>305.532,500</b>	<b>346.493,402</b>
<b>I</b>	<b>PHÂN BỐ CHI TIẾT</b>			<b>2.109.199,717</b>	<b>1.975.331,190</b>	<b>315.379,000</b>	<b>336.646,902</b>	<b>652.025,902</b>	<b>305.532,500</b>	<b>346.493,402</b>
<b>I.1</b>	<b>Dự án cấp tỉnh đầu tư</b>			<b>1.700.278,832</b>	<b>1.700.278,832</b>	<b>290.000,000</b>	<b>130.415,544</b>	<b>420.415,544</b>	<b>230.415,544</b>	<b>190.000,000</b>
<b>(1)</b>	<b>Dự án chuyển tiếp</b>			<b>1.446.420,000</b>	<b>1.446.420,000</b>	<b>290.000,000</b>	<b>19.815,544</b>	<b>309.815,544</b>	<b>119.815,544</b>	<b>190.000,000</b>
1	Đầu tư xây dựng cầu Tân An và đường dẫn nối Quốc lộ 18, thành phố Chí Linh	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh	1654; 10/7/2024	600.000,000	600.000,000	150.000,000	10.000,000	160.000,000	10.000,000	150.000,000
2	Đầu tư xây dựng đường tỉnh 396 kéo dài (đoạn nối từ đường tỉnh 391 đến đường tỉnh 390)	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh	1969; 15/9/2023	846.420,000	846.420,000	140.000,000	9.815,544	149.815,544	109.815,544	40.000,000
<b>(2)</b>	<b>Dự án khởi công mới</b>			<b>253.858,832</b>	<b>253.858,832</b>		<b>110.600,000</b>	<b>110.600,000</b>	<b>110.600,000</b>	
1	Tu bổ, xây dựng hạ tầng đèn Kiếp Bạc, xã Hưng Đạo, thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương. Hạng mục: Sân lễ hội, bãi xe; bến thuyền và chợ sông Thương	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh	3264; 06/12/2024	98.000,000	98.000,000		50.000,000	50.000,000	50.000,000	
2	Xây dựng, cải tạo nâng cấp 03 bệnh viện tuyến tỉnh (Bệnh viện Phổi, Bệnh viện Phong Chí Linh, Bệnh viện Bệnh nhiệt đới)	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh	16; 07/01/2025	86.624,000	86.624,000		27.000,000	27.000,000	27.000,000	

STT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Quyết định đầu tư			Kế hoạch vốn NSDP năm 2025				
			Số quyết định; ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư		Kế hoạch vốn đã giao	Phân bổ, bổ sung kế hoạch vốn	Kế hoạch vốn sau phân bổ, bổ sung		
				Tổng số	Trong đó, vốn NSDP cấp tỉnh			Tổng số	<i>Bao gồm</i>	
A	B	C	1	2	3	4	5	6=4+5	7	9=6-7
3	Xây dựng, nâng cấp hệ thống xử lý nước thải Bệnh viện tâm thần và 04 Trung tâm y tế cấp huyện (Chí Linh, Kinh Môn, Kim Thành, Thanh Hà)	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh	295; 11/02/2025	47.634,832	47.634,832		12.000,000	12.000,000	12.000,000	
4	Nâng cấp trang thiết bị kỹ thuật công nghệ phát thanh, truyền hình	Đài Phát thanh và Truyền hình Hải Dương	3179; 28/11/2024	21.600,000	21.600,000		21.600,000	21.600,000	21.600,000	
<b>I.2</b>	<b>Bổ sung có mục tiêu cho cấp huyện thực hiện dự án</b>			<b>408.920,885</b>	<b>275.052,358</b>	<b>25.379,000</b>	<b>206.231,358</b>	<b>231.610,358</b>	<b>75.116,956</b>	<b>156.493,402</b>
<b>(1)</b>	<b>Huyện Ninh Giang</b>			<b>200.606,463</b>	<b>109.560,000</b>		<b>109.560,000</b>	<b>109.560,000</b>	<b>62.316,956</b>	<b>47.243,044</b>
1	Cải tạo, nâng cấp tuyến đường giao thông từ khu tượng đài Bác Hồ xã Hiệp Lực qua khu lưu niệm Chủ tịch Hồ Chí Minh xã Hồng Dụ đến đường tỉnh 396		2760, 20/10/2023; 727, 05/02/2025	93.076,039	46.500,000		46.500,000	46.500,000	46.500,000	
2	Cải tạo, nâng cấp tuyến đường liên xã Hồng Phúc - Tân Phong (cầu Đông - đường tỉnh 396C)		2759, 20/10/2023; 728, 05/02/2025	69.061,329	34.500,000		34.500,000	34.500,000	15.816,956	18.683,044
3	Nâng cấp, mở rộng một số cây cầu tập thể trên kênh Đại Phú Giang và kênh T6 trạm bơm Hiệp Lễ (10 cầu)		3421, 22/11/2024; 3422, 22/11/2024; 3423, 22/11/2024	38.469,095	28.560,000		28.560,000	28.560,000		28.560,000
<b>(2)</b>	<b>Huyện Tứ Kỳ</b>			<b>32.887,245</b>	<b>24.500,000</b>		<b>24.500,000</b>	<b>24.500,000</b>		<b>24.500,000</b>

STT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Quyết định đầu tư			Kế hoạch vốn NSDP năm 2025				
			Số quyết định; ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư		Kế hoạch vốn đã giao	Phân bổ, bổ sung kế hoạch vốn	Kế hoạch vốn sau phân bổ, bổ sung		
				Tổng số	Trong đó, vốn NSDP cấp tỉnh			Tổng số	Bao gồm	
									Vốn XDCB tập trung	Vốn thu sử dụng đất
A	B	C	1	2	3	4	5	6=4+5	7	9=6-7
1	Cải tạo, nâng cấp cơ sở hạ tầng vùng sản xuất lúa hữu cơ, kết hợp với khai thác rươi cây tự nhiên tại các xã An Thanh và Quang Trung; hạng mục: Cống Đa Vàng, đường giao thông và các công trình trong kênh trục nội đồng		396; 06/02/2025	32.887,245	24.500,000		24.500,000	24.500,000		24.500,000
<b>(3)</b>	<b>Huyện Thanh Miện</b>			<b>46.101,819</b>	<b>24.500,000</b>		<b>24.500,000</b>	<b>24.500,000</b>		<b>24.500,000</b>
1	Cải tạo đường vào và khu vực đón tiếp Khu du lịch và bảo tồn sinh thái Đảo Cò, xã Chi Lăng Nam		2662; 28/11/2024	8.881,819	4.500,000		4.500,000	4.500,000		4.500,000
2	Công trình quân sự TMA1-HU		77; 28/11/2024	37.220,000	20.000,000		20.000,000	20.000,000		20.000,000
<b>(4)</b>	<b>Thành phố Hải Dương</b>			<b>103.692,358</b>	<b>103.692,358</b>	<b>25.379,000</b>	<b>34.871,358</b>	<b>60.250,358</b>		<b>60.250,358</b>
1	Đầu tư xây dựng tuyến đường nội bộ và GPMB khu đô thị trung tâm thành phố - Khu vực 2		4093, 30/11/2023; 5186, 31/12/2024	70.720,000	70.720,000	15.279,000	25.441,000	40.720,000		40.720,000
2	Đầu tư xây dựng hoàn thiện cơ sở hạ tầng khu đất công cộng (NVH-01) và giải phóng mặt bằng Khu nhà ở hỗn hợp cao tầng Ngô Quyền, phường Thanh Bình, thành phố Hải Dương		2292, 11/07/2023; 2980, 24/7/2024; 5428, 31/12/2024	32.972,358	32.972,358	10.100,000	9.430,358	19.530,358		19.530,358
<b>(5)</b>	<b>Huyện Gia Lộc</b>			<b>25.633,000</b>	<b>12.800,000</b>		<b>12.800,000</b>	<b>12.800,000</b>		<b>12.800,000</b>

STT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Quyết định đầu tư			Kế hoạch vốn NSDP năm 2025				
			Số quyết định; ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư		Kế hoạch vốn đã giao	Phân bổ, bổ sung kế hoạch vốn	Kế hoạch vốn sau phân bổ, bổ sung		
				Tổng số	Trong đó, vốn NSDP cấp tỉnh			Tổng số	<i>Bao gồm</i>	
A	B	C	1	2	3	4	5	6=4+5	7	9=6-7
1	Cải tạo, nâng cấp đường trục chính liên xã Phạm Trấn - Đồng Quang (đoạn từ đường tỉnh 393 đến đường huyện 20C) huyện Gia Lộc		1301; 11/6/2024	25.633,000	12.800,000		12.800,000	12.800,000	12.800,000	
<b>II</b>	<b>PHÂN BỐ CHI TIẾT SAU</b>					<b>336.646,902</b>	<b>-336.646,902</b>			
<b>B</b>	<b>BỔ SUNG CƠ MỤC TIÊU CHO CẤP HUYỆN ĐẦU TƯ DỰ ÁN THỰC HIỆN CÁC ĐỀ ÁN</b>			<b>183.823,965</b>	<b>57.932,910</b>	<b>103.767,000</b>		<b>103.767,000</b>		<b>103.767,000</b>
<b>I</b>	<b>Đề án sản xuất nông nghiệp hàng hóa tập trung ứng dụng công nghệ cao, nông nghiệp hữu cơ</b>			<b>70.564,305</b>	<b>25.716,660</b>	<b>25.580,000</b>		<b>25.580,000</b>		<b>25.580,000</b>
<b>I.1</b>	<b>Phân bổ chi tiết</b>			<b>70.564,305</b>	<b>25.716,660</b>		<b>16.016,660</b>	<b>16.016,660</b>		<b>16.016,660</b>
<b>(1)</b>	<b>Thành phố Chí Linh</b>			<b>29.700,000</b>	<b>9.291,000</b>		<b>9.291,000</b>	<b>9.291,000</b>		<b>9.291,000</b>
1	Cải tạo, nâng cấp hạ tầng kỹ thuật phục vụ phát triển sản xuất và nuôi trồng thủy sản xã Hưng Đạo, thành phố Chí Linh		567; 12/02/2025	29.700,000	9.291,000		9.291,000	9.291,000		9.291,000
<b>(2)</b>	<b>Huyện Gia Lộc</b>			<b>40.864,305</b>	<b>16.425,660</b>		<b>6.725,660</b>	<b>6.725,660</b>		<b>6.725,660</b>
1	Cải tạo, nâng cấp hạ tầng vùng nuôi trồng thủy sản xã Hoàng Diệu		2190; 24/9/2024	14.703,149	5.700,000		700,000	700,000		700,000
2	Cải tạo, nâng cấp hạ tầng vùng nuôi trồng thủy sản xã Đồng Quang		2183; 23/9/2024	13.824,651	5.690,190		2.990,190	2.990,190		2.990,190
3	Cải tạo, nâng cấp hạ tầng vùng nuôi trồng thủy sản tập trung xã Nhật Tân		2184; 23/9/2024	4.693,767	1.902,970		902,970	902,970		902,970

STT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Quyết định đầu tư			Kế hoạch vốn NSDP năm 2025				
			Số quyết định; ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư		Kế hoạch vốn đã giao	Phân bổ, bổ sung kế hoạch vốn	Kế hoạch vốn sau phân bổ, bổ sung		
				Tổng số	Trong đó, vốn NSDP cấp tỉnh			Tổng số	<i>Bao gồm</i>	
A	B	C	1	2	3	4	5	6=4+5	7	9=6-7
4	Cải tạo, nâng cấp hạ tầng vùng nuôi trồng thủy sản tập trung xã Yết Kiêu		2191; 24/9/2024	7.642,738	3.132,500		2.132,500	2.132,500		2.132,500
<b>1.2</b>	<b>Phân bổ chi tiết sau</b>					<b>25.580,000</b>	<b>-16.016,660</b>	<b>9.563,340</b>		<b>9.563,340</b>
<b>II</b>	<b>Đề án Đầu tư xây dựng trụ sở làm việc công an cấp xã</b>			<b>7.645,000</b>	<b>5.733,750</b>	<b>44.224,500</b>		<b>44.224,500</b>		<b>44.224,500</b>
<b>II.1</b>	<b>Phân bổ chi tiết</b>			<b>7.645,000</b>	<b>5.733,750</b>	<b>1.733,000</b>	<b>2.000,750</b>	<b>3.733,750</b>		<b>3.733,750</b>
<b>(1)</b>	<b>Huyện Cẩm Giàng</b>			<b>7.645,000</b>	<b>5.733,750</b>	<b>1.733,000</b>	<b>2.000,750</b>	<b>3.733,750</b>		<b>3.733,750</b>
1	Trụ sở làm việc công an xã Cẩm Đông		44; 27/8/2024	7.645,000	5.733,750	1.733,000	2.000,750	3.733,750		3.733,750
<b>II.2</b>	<b>Phân bổ chi tiết sau</b>					<b>42.491,500</b>	<b>-2.000,750</b>	<b>40.490,750</b>		<b>40.490,750</b>
<b>III</b>	<b>Đề án Xây dựng, bổ sung phòng học thiếu tại các cơ sở giáo dục trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2020-2025</b>			<b>105.614,660</b>	<b>26.482,500</b>	<b>33.962,500</b>		<b>33.962,500</b>		<b>33.962,500</b>
<b>III.1</b>	<b>Phân bổ chi tiết</b>			<b>105.614,660</b>	<b>26.482,500</b>		<b>26.482,500</b>	<b>26.482,500</b>		<b>26.482,500</b>
<b>(1)</b>	<b>Huyện Thanh Hà</b>			<b>29.943,917</b>	<b>8.662,500</b>		<b>8.662,500</b>	<b>8.662,500</b>		<b>8.662,500</b>
1	Nhà lớp học 2 tầng 4 phòng Trường Mầm non Thanh Hồng và Nhà lớp học 2 tầng 4 phòng Trường Mầm non Việt Hồng, huyện Thanh Hà		4291; 27/12/2024	16.804,736	3.795,000		3.795,000	3.795,000		3.795,000
2	Nhà lớp học 2 tầng 4 phòng trường Mầm non xóm 4, xã Thanh Hải, huyện Thanh Hà		3327; 31/10/2024	5.768,743	2.530,000		2.530,000	2.530,000		2.530,000
3	Nhà lớp học 3 tầng 6 phòng trường Trung học Cơ sở An Phượng (Khu A), xã An Phượng, huyện Thanh Hà		3549; 15/11/2024	7.370,438	2.337,500		2.337,500	2.337,500		2.337,500

STT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Quyết định đầu tư			Kế hoạch vốn NSDP năm 2025				
			Số quyết định; ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư		Kế hoạch vốn đã giao	Phân bổ, bổ sung kế hoạch vốn	Kế hoạch vốn sau phân bổ, bổ sung		
				Tổng số	Trong đó, vốn NSDP cấp tỉnh			Tổng số	<i>Bao gồm</i>	
A	B	C	1	2	3	4	5	6=4+5	7	9=6-7
<b>(2)</b>	<b>Huyện Cẩm Giàng</b>			<b>21.942,041</b>	<b>8.415,000</b>		<b>8.415,000</b>	<b>8.415,000</b>		<b>8.415,000</b>
1	Nhà lớp học 4 trường THCS trên địa bàn huyện Cẩm Giàng		3315; 18/10/2024	21.942,041	8.415,000		8.415,000	8.415,000		8.415,000
<b>(3)</b>	<b>Huyện Gia Lộc</b>			<b>53.728,702</b>	<b>9.405,000</b>		<b>9.405,000</b>	<b>9.405,000</b>		<b>9.405,000</b>
1	Xây dựng Nhà lớp học các Trường THCS: Hoàng Diệu, Quang Minh, Thống Nhất		2113; 05/9/2024	32.939,370	5.610,000		5.610,000	5.610,000		5.610,000
2	Xây dựng nhà lớp học 2 tầng, 8 phòng, móng 3 tầng trường Mầm non Thị trấn Gia Lộc		2173; 23/9/2024	20.789,332	3.795,000		3.795,000	3.795,000		3.795,000
<b>III.2</b>	<b>Phân bổ chi tiết sau</b>					<b>33.962,500</b>	<b>-26.482,500</b>	<b>7.480,000</b>		<b>7.480,000</b>
<b>IV</b>	<b>Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới</b>			<b>6.539,713</b>	<b>5.000,000</b>	<b>30.145,700</b>		<b>30.145,700</b>		<b>30.145,700</b>
<b>IV.1</b>	<b>Phân bổ chi tiết</b>			<b>6.539,713</b>	<b>5.000,000</b>		<b>5.000,000</b>	<b>5.000,000</b>		<b>5.000,000</b>
<b>(1)</b>	<b>Huyện Gia Lộc</b>			<b>6.539,713</b>	<b>5.000,000</b>		<b>5.000,000</b>	<b>5.000,000</b>		<b>5.000,000</b>
1	Cải tạo, nâng cấp các chợ hạng 3 tại các xã: Đoàn Thượng, Yết Kiêu, Thống Kênh, Lê Lợi, Nhật Tân		2761; 15/11/2024	6.539,713	5.000,000		5.000,000	5.000,000		5.000,000
<b>IV.2</b>	<b>Phân bổ chi tiết sau</b>					<b>30.145,700</b>	<b>-5.000,000</b>	<b>25.145,700</b>		<b>25.145,700</b>